Ký bởi: Ủy ban Nhân dân tỉnh Cà Mau
Cơ quan: Tỉnh Cà Mau
Ngày ký: 07.06.2021 14:20:23 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 13 /2021/QĐ-UBND	*Cà Mau, ngày 07 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2018/TT-BKHĐT ngày 06/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 587/TTr-SNN ngày 09/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này ban hành định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư phù hợp với danh mục dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn do Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Doanh nghiệp có thể lựa chọn một, một số hoặc toàn bộ các hạng mục, công trình thuộc dự án để đề xuất xin hỗ trợ, nhưng mức hỗ trợ không được vượt quá mức hỗ trợ cho từng loại dự án quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về ban hành chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND).

2. Định mức hỗ trợ theo Quyết định này là định mức tối đa. Trường hợp doanh nghiệp đề nghị giá trị nghiệm thu cho các hạng mục, công trình thuộc dự án thấp hơn định mức tại Quyết định này thì áp dụng theo giá trị thực tế doanh nghiệp đề nghị.

3. Tổng kinh phí hỗ trợ cho các hạng mục, công trình thuộc dự án không được vượt mức hỗ trợ tối đa cho dự án quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND.

Điều 4. Điều kiện hỗ trợ

Doanh nghiệp có dự án được hỗ trợ quy định tại các khoản 4, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Điều 2, Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND được áp dụng định mức hỗ trợ tại Quyết định này phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 24/2019/NQ-HĐND và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Định mức hỗ trợ

Định mức hỗ trợ đối với từng loại hạng mục, công trình khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan phản ánh kịp thời bằng văn bản, gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2021./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT(D05, 1b), Ktr240/6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Sử

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 13 /2021/QĐ-UBND ngày 07/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

TT	Nội dung hỗ trợ	Đơn vị tính	Định mức hỗ trợ (1.000 đồng)	Ghi chú
1	**Hệ thống điện**			
	Hệ thống điện trong hàng rào dự án (bao gồm trạm, dây…)	01 KVA	1.000	Công suất trạm tối thiểu từ 50KVA trở lên
2	**Hệ thống đường giao thông**			
	Đường giao thông trong hàng rào dự án	01 m^2	700	Đường bê tông xi măng, bê tông Asphalt, đường láng nhựa
3	**San lấp mặt bằng**			
a	Đào, đắp đất	01 m^3	10	Áp dụng đối với trường hợp lấy đất tại chỗ để đắp
b	Đào, đắp đất	01 m^3	50	Áp dụng đối với trường hợp mua đất để đắp
c	Đào, đắp đá	01 m^3	200	
d	Đào, đắp cát	01 m^3	100	
đ	Nền bê tông các loại	01 m^2	300	
4	**Nhà**			
a	Nhà xưởng cao từ 06m trở xuống	01 m^2	1.000	Nhà kiên cố, cấp IV trở lên, chiều cao tính từ mặt nền hoàn thiện đến vị trí cao nhất của mái công trình
b	Nhà xưởng cao trên 06m	01 m^2	2.000	
c	Nhà kho sức chứa nhỏ hơn 500 tấn	01 m^2	900	
d	Nhà kho sức chứa từ 500 tấn trở lên	01 m^2	1.200	
đ	Kho đông lạnh	01 m^2	3.000	
e	Chuồng trại	01 m^2	500	
5	**Nước sạch**			
a	Bể chứa, hồ chứa	01 m^3	1.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Đường ống (có đường kính tối thiểu 30 mm)	01 m	50	Vật liệu nhựa, kim loại
c	Máy bơm	01 m^3/giờ	500	
6	**Xử lý nước thải**			
a	Bể lắng, bể sục khí	01 m^3	2.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
b	Bể chứa, hồ chứa	01 m^3	1.000	Vật liệu bê tông, xây gạch
c	Đường ống (có đường kính tối thiểu 50 mm)	01 m	100	Vật liệu nhựa, kim loại

d	Cống thoát nước thải bằng bê tông cốt thép	01 m	500	Đường kính tối thiểu 300 mm trở lên
đ	Máy bơm	01 m^3/giờ	1.000	
7	**Xây dựng khu thực nghiệm, thí nghiệm, ứng dụng công nghệ cao**			
a	Nhà kính, nhà lưới, nhà màng	01 m^2	200	
b	Hệ thống tưới phun, tưới nhỏ giọt	01 m^2	50	
8	**Lồng nuôi hải sản trên biển**			
a	Lưới quây (lưới lồng)	01 kg	50	
b	Cọc chống (đường kính trung bình từ 5 cm trở lên)	01 m	30	
c	Thanh làm khung lồng bằng gỗ (đường kính trung bình từ 20 cm trở lên)	01 m	100	
d	Thanh làm khung lồng bằng nhựa HDPE (đường kính trung bình từ 200 mm trở lên)	01 m	350	
đ	Phao neo	100 lít	100	
e	Dây neo (đường kính từ 10mm trở lên)	01 m	15	
9	**Thiết bị phục vụ sản xuất**	Bộ	50% chi phí mua sắm thiết bị	